

Bản án số: 606/2024/HS-PT
Ngày: 30-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Lê Văn Thường
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Trần Quốc Cường Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 591/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Thị L** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phan Thị L1**, sinh ngày 20/8/1962, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: **Tổ dân phố I, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Đăng D** và bà **Trương Thị K** (Đều đã chết); có chồng là **Nguyễn Chí T** (Đã chết) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Các bị hại có kháng cáo:

1. Ông **Dương Đình Q**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Tổ dân phố I, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Tổ dân phố E, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có mặt.
3. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1972; địa chỉ: **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
4. Bà **Nông Thị B**, sinh năm 1960; địa chỉ: **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
5. Ông **Hồ Quốc D1**, sinh năm 1989 và bà **Lê Thị T2**, sinh năm 1992; địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; vắng mặt.
6. Bà **Phan Thị Hồng N**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; nơi ở hiện nay: **Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
7. Bà **Nông Thị Cẩm T3**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
8. Bà **Nguyễn Thị Phụng C**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
9. Bà **Trần Thị T4**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1965; địa chỉ: **thôn E, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
11. Bà **Lê Thị K1**, sinh năm 1962; nơi đăng ký HKTT: **Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; nơi ở hiện nay: **Thôn D, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
12. Bà **Đinh Thị Thanh H**, sinh năm 1963; địa chỉ: **Thôn C, D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
13. Bà **Vũ Thị N1**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. Ông **Nguyễn Khắc H1**, sinh năm 1963; địa chỉ: **Buôn B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
15. Bà **Từ Thị T5**, sinh năm 1964; địa chỉ: **Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
16. Bà **Lê Thị Thanh T6**, sinh năm 1977; địa chỉ: **Tổ dân phố I, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.
17. Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Thôn C, D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Ông **Nguyễn Chí H2** (Con của bị cáo **Phan Thị L1**); địa chỉ: **Tổ dân phố I, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị Hương T7**, sinh năm 1990 (Con của bị cáo **Phan Thị L1**); địa chỉ: **Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị L1 theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thành T8, Công ty L13, Đoàn Luật sư Thành phố H**. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Thị L2 và **Phan Thị L1** quen biết nhau từ khoảng cuối năm 2017, đầu năm 2018. Sau một thời gian gặp gỡ, nói chuyện, **Đoàn Thị L2** nói với **Phan Thị L1** là **L2** đã xin được công việc cho con trai và con gái của **L2**, hiện giờ đã có việc làm ổn định. Mặc dù **L2** chỉ làm nông nhưng **L2** đưa ra thông tin chồng **L2** là ông **N2 Y Ngoan** là Đại tá Quân đội nên **L2** có nhiều mối quan hệ quen biết với lãnh đạo **Sở Nội vụ tỉnh Đ** có thể xin được việc làm, xin chuyển biên chế, xin chuyển công tác và đã xin được cho nhiều người có công việc. Sau đó, **Đoàn Thị L2** đặt vấn đề xin việc cho con trai của **L1** là **Nguyễn Chí H2**, sinh năm 1991 đã tốt nghiệp Trung cấp Luật vào làm thư ký tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk với chi phí xin việc là 100.000.000 đồng, nghe thông tin **L2** đưa ra thì **Phan Thị L1** tin tưởng và đồng ý nhờ **L2** xin việc cho **H2**.

Đến ngày 23/02/2018, **Phan Thị L1** cùng con trai là **Nguyễn Chí H2** đến nhà của **Đoàn Thị L2** ở **Buôn Đ, xã E, huyện E** đưa hồ sơ xin việc cùng số tiền 100.000.000 đồng cho **Đoàn Thị L2** để xin việc cho **H2**, khi đưa tiền thì **Đoàn Thị L2** viết cho **Phan Thị L1** 01 giấy vay tiền thể hiện vay của **Phan Thị L1** số tiền 100.000.000 đồng, hẹn đến tháng 9/2018 sẽ trả.

Sau đó một thời gian, **Phan Thị L1** tiếp tục đặt vấn đề với **Đoàn Thị L2** để xin chuyển biên chế cho con gái là **Nguyễn Thị Hương T7**, sinh năm 1990, trú tại **Thôn E, xã C, huyện E** lúc này đang làm giáo viên hợp đồng tại **Trường L14** trên địa bàn **huyện E** và xin việc cho cháu ruột là **Nguyễn Thị Hồng N3**, sinh năm 1990, trú tại **Thôn E, xã E, huyện E** vào làm giáo viên trường **Lê Quý Đ** trên địa bàn **huyện E**. Tuy nhiên, các trường hợp này **Đoàn Thị L2** nói với **Phan Thị L1** không cần phải đưa tiền mà **Đoàn Thị L2** nói với **Phan Thị L1** nếu có ai có nhu cầu xin việc làm vào các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh thì cứ nhận

rồi đưa cho **Đoàn Thị L2** để **L2** xin việc dùm cho. **Đoàn Thị L2** nói với **Phan Thị L1** khi trao đổi với những người có nhu cầu xin việc thì chi phí xin việc đối với các vị trí giáo viên, chuyển biên chế, chuyển đơn vị công tác trong ngành giáo dục là 40.000.000 đồng; vị trí lái xe trong các cơ quan nhà nước, bệnh viện, huyện uỷ với chi phí là 60.000.000 đồng; vị trí kế toán làm việc tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 80.000.000 đồng.

Trong năm 2018, do tin tưởng **Đoàn Thị L2** có thể xin được việc và mong muốn **L2** sẽ xin được việc cho con, cháu của mình nên **Phan Thị L1** đã chủ động gặp, trao đổi với một số cá nhân có con, cháu đang muốn xin việc làm, xin chuyển công tác, chuyển biên chế và nói với họ về việc **L1** có quen biết người có thể xin được việc làm nếu họ có nhu cầu thì **L1** sẽ liên hệ nhờ xin giúp. Cụ thể các trường hợp sau:

(1) Ông **Hồ Quốc D1**, sinh năm 1989, trú tại **Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin cho ông **D1** làm giáo viên thể dục trên địa bàn **huyện E** và xin cho vợ là chị **Lê Thị T2**, sinh năm 1992, trú tại **Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E** làm giáo viên Tiếng Anh của **trường L15** trên địa bàn **huyện E**, đã đưa cho **L1** tổng số tiền 190.000.000 đồng.

(2) Bà **Nguyễn Thị Phụng C**, sinh năm 1990, trú tại **Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin làm giáo viên **trường L14** trên địa bàn **huyện E**, đã đưa cho **L1** số tiền 90.000.000 đồng.

(3) Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1972, trú tại **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin việc làm cho con rể là **Doãn Chí S1**, sinh năm 1992, trú tại **Thôn F, xã E, huyện E** làm giáo viên thể dục trường Trung học **cơ sở N11** trên địa bàn **huyện E**, đã đưa cho **L1** số tiền 40.000.000 đồng.

(4) Bà **Đinh Thị Thanh H**, sinh năm 1963, trú tại **Thôn C, D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin cho con dâu là chị **Nguyễn Thị Diệu H3**, sinh năm 1992 vào làm giáo viên trường dân tộc nội **huyện E**, đã đưa cho **L1** số tiền 40.000.000 đồng.

(5) Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1965, trú tại **Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **Phan Thị L1** xin chuyển công tác cho con gái là chị **Nguyễn Thị Phương T9**, sinh năm 1993 là giáo viên **trường mẫu giáo xã E, huyện E** đến **trường mầm non B2** thuộc **huyện C**, đã đưa cho **L1** số tiền 15.000.000 đồng.

(6) Ông **Dương Đình Q**, sinh năm 1970, trú tại **Tổ dân phố I, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin việc làm cho con gái là chị **Dương Thị N4**, sinh năm 1996, trú tại **Tổ dân phố I, thị trấn E, huyện E** làm giáo viên mầm non thuộc **thị trấn E, huyện E**, đã đưa cho **L1** số tiền 60.000.000 đồng.

(7) Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1963, trú tại Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhờ L1 xin việc làm cho 02 trường hợp cụ thể con rể là anh Nguyễn Văn T10, sinh năm 1987, trú tại Thôn B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và cháu ruột là chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1992, trú tại Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện E làm giáo viên trên địa bàn huyện E, đã đưa cho L1 số tiền 95.000.000 đồng.

(8) Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1984, trú tại Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhờ L1 xin làm giáo viên trên địa bàn huyện K, thỏa thuận chi phí là 130.000.000 đồng và đã đưa cho L1 số tiền 80.000.000 đồng.

(9) Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm 1989, trú tại Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhờ L1 xin làm giáo viên trường N12 trên địa bàn huyện E, đã đưa cho L1 số tiền 60.000.000 đồng.

(10) Bà Lê Thị Thanh T6, sinh năm 1977, trú tại Tổ dân phố I, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhờ L1 xin việc làm cho 03 trường hợp, đã đưa cho L1 tổng số tiền đã đưa cho L1 là 165.000.000 đồng, gồm: Trần Xuân T11 (là con trai của bà T6), sinh năm 1999, trú tại Tổ dân phố I, thị trấn E, huyện E xin việc làm giáo viên trường N13 trên địa bàn huyện E, đưa cho L1 số tiền 65.000.000 đồng; Lê Hà Diệu H4 (người quen của bà T6) trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk xin việc làm giáo viên trên địa bàn huyện K và đã đưa cho L1 số tiền 60.000.000 đồng; Võ Văn D2, trú tại huyện L, tỉnh Đắk Lắk xin việc làm giáo viên trường Võ Thị S2 thuộc huyện L, tỉnh Đắk Lắk và đã đưa cho L1 số tiền 40.000.000 đồng (xong).

(11) Bà Triệu Thị T12, sinh năm 1987, trú tại Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhờ L1 xin việc làm giáo viên trường V4 trên địa bàn huyện E, và đã đưa cho L1 số tiền 40.000.000 đồng.

(12) Ông Phan Văn Đ1, sinh năm 1960, trú tại A L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhờ Phan Thị L1 xin việc, xin chuyển công tác cho 03 trường hợp là người quen của ông Đ1 và đã đưa cho L1 tổng số tiền 110.000.000 đồng cụ thể: Bà Nguyễn Thị Việt T13 xin việc làm giáo viên trên địa bàn huyện K, đã đưa cho L1 80.000.000 đồng; Bà H'Hiên N5 chuyển đến trường dân tộc nội trú huyện K và đã đưa cho L1 số tiền 15.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H5 chuyển đến trường dân tộc nội trú huyện K và đã đưa cho L1 số tiền 15.000.000 đồng.

(13) Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1964, trú tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An nhờ L1 xin cho con dâu là chị Nguyễn Thị P2 làm giáo viên trường L14 trên địa bàn huyện K và đưa cho L1 số tiền 60.000.000 đồng.

(14); (15) Bà Nguyễn Thị L3 và ông Duy L4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng trú huyện E nhờ Phan Thị L1 xin làm giáo viên thể dục trên địa bàn huyện E và đã đưa cho L1 số tiền 95.000.000 đồng.

(16) Bà **Từ Thị T5**, sinh năm 1964, trú tại **Thôn A, xã E, huyện E** nhờ **L1** xin việc làm cho con gái là chị **Vương Thị T14**, sinh năm 1991, trú tại **Thôn A, xã E, huyện E** làm giáo viên **trường tiểu học N14** trên địa bàn **huyện E** và đã đưa cho **L1** số tiền 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, còn có trường hợp của chị **Nguyễn Thị Kim T15**, sinh năm 1988, trú tại **Buôn L, thị trấn E, huyện E** là học trò cũ của **Phan Thị L1**, chị **T15** nhờ **L1** xin việc làm giáo viên và chỉ đưa hồ sơ xin việc cho **L1**. Sau đó, **L1** vay của chị **T15** số tiền 100.000.000 đồng. Sau một thời gian vay tiền **Phan Thị L1** không trả tiền vay cho chị **T15** mà tự bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng đưa cho **Đoàn Thị L2** để xin việc cho **T15** vào làm giáo viên tại **trường V5** trên địa bàn **huyện E**.

Như vậy, trong giai đoạn năm 2018, **Đoàn Thị L2** đã đưa ra thông tin gian dối là có nhiều mối quan hệ quen biết với lãnh đạo **Sở Nội vụ tỉnh Đ**, có khả năng xin được việc làm, xin chuyển công tác, xin vào biên chế... làm cho **Phan Thị L1** tin tưởng giao tiền để xin việc cho con, cháu, học trò cũ và 16 người quen trên địa bàn **huyện E, tỉnh Đắk Lắk** với tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Sau đó, **Đoàn Thị L2** không sử dụng xin việc như đã nói mà chiếm đoạt sử dụng vào các mục đích cá nhân.

Về hành vi chiếm đoạt tiền trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 có sự giúp sức của Phan Thị L1:

Khoảng từ cuối năm 2018, khi hết thời hạn xin việc làm cho con, cháu của **Phan Thị L1** vẫn không xin được việc làm, không được tham gia thi tuyển công chức, viên chức thì **Nguyễn Chí H2** đã tìm hiểu và nhận thấy **Đoàn Thị L2** không có khả năng xin việc làm như đã hứa hẹn và lúc này **H2** cũng đã có công việc khác nên **H2** đã nói với **Phan Thị L1** rằng **Đoàn Thị L2** có dấu hiệu lừa đảo, phải đòi lại tiền. Sau đó, **Phan Thị L1** đã nhiều lần đòi lại tiền từ **Đoàn Thị L2** nhưng không được. Từ thời điểm này, mặc dù đã tiếp nhận được thông tin, nhận thấy **Đoàn Thị L2** không có khả năng xin việc, liên tục đưa ra nhiều lý do để khất hẹn, kéo dài thời gian nhưng **Phan Thị L1** nhận thấy có thể hưởng lợi từ việc tìm người có nhu cầu xin việc làm cho **Đoàn Thị L2** nên **Phan Thị L1** đã chủ động gặp một số người quen trên địa bàn **huyện E** để đưa ra thông tin hoặc khi có một số người được giới thiệu đến gặp **L1** thì **L1** tự đưa ra thông tin gian dối là bản thân **Phan Thị L1** có quen biết với người có chức vụ lãnh đạo ở **Sở Nội vụ tỉnh Đ**, lãnh đạo của các cơ quan trên địa bàn **huyện E**, có khả năng xin được việc làm, xin chuyển biên chế, chuyển công tác trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp trong ngành giáo dục nhằm làm cho các bị hại tin tưởng, giao tiền cho **L1**, sau đó **L1** đã trao đổi với **Đoàn Thị L2**, giao tiền cho **L2**, nếu xong việc thì cùng hưởng lợi.

Phan Thị L1 nhận thức được việc đưa tiền để xin việc là vi phạm pháp luật nên khi nhận tiền của người bị hại thì **L1** đều viết giấy cho họ với nội dung giấy vay mượn tiền, khi trao đổi với người có nhu cầu xin việc thì **Phan Thị L1** thường đưa ra mức chi phí xin việc cao hơn mức mà **Đoàn Thị L2** và **Phan Thị L1** đã trao đổi, thống nhất trước đó. Sau đó, **Phan Thị L1** yêu cầu người có nhu cầu xin việc phải đưa trước số tiền bằng với số tiền mà **Đoàn Thị L2** đã đưa ra là từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa sau khi xong việc và **Phan Thị L1** sẽ được hưởng lợi số tiền còn lại.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, từ năm 2019 đến năm 2020, **Phan Thị L1** đã trực tiếp đưa ra thông tin gian dối để nhận tiền của 08 cá nhân và thông qua người khác để nhận tiền của 21 cá nhân, với tổng số tiền 1.822.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm hai mươi hai triệu đồng*) và đưa cho **Đoàn Thị L2** để xin việc, cụ thể:

(1) Chị **Nông Thị Cẩm T3**, sinh năm 1985, trú tại **Thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin chuyển công tác cho em gái là chị **Nông Thị H7**, sinh năm 1993, trú tại **Thôn D, xã E, huyện E** đến làm giáo viên tại trường **Trần Quốc T16** trên địa bàn **huyện E**, thỏa thuận chi phí là 130.000.000 đồng và đã đưa cho **L1** số tiền 80.000.000 đồng.

(2) Chị **Phạm Thị S**, sinh năm 1993, trú tại **Tổ dân phố E, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin làm giáo viên **trường tiểu học T27** trên địa bàn **huyện E** với chi phí 130.000.000 đồng và đã đưa cho **L1** số tiền 50.000.000 đồng.

(3) Ông **Nguyễn Khắc H1**, sinh năm 1963, trú tại **thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin việc làm cho con trai là anh **Nguyễn Duy B1**, sinh năm 1989, trú tại **Buôn B, thị trấn E, huyện E** làm nhân viên **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** và đã đưa cho **L1** số tiền 100.000.000 đồng.

(4) Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1969, trú tại **Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin việc làm cho con trai là anh **Võ Tá L5**, sinh năm 1992, trú tại **Thôn C, xã D, huyện E** làm giáo viên **xã D, huyện E** và đã đưa cho **L1** số tiền 60.000.000 đồng.

(5) Bà **Trần Thị T4**, sinh năm 1969, trú tại **Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin cho con gái là chị **Tạ Thị Thu H8**, sinh năm 1993, trú tại **Thôn A, xã E, huyện E** làm giáo viên trường mẫu giáo thuộc **xã E, huyện E**, thỏa thuận chi phí là 140.000.000 đồng và đã đưa cho **L1** số tiền 60.000.000 đồng.

(6) Chị **Hoàng Thị L6**, sinh năm 1992, trú tại **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin việc làm giáo viên trường **Trần Quốc T16** trên địa bàn **huyện E** và đã đưa cho **L1** số tiền 20.000.000 đồng.

(7) Bà **Nông Thị B**, sinh năm 1960, trú tại **Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin việc làm cho con gái bà **B** là **Hoàng Thị D3**, sinh năm 1989, trú tại **thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** làm giáo viên dạy tin học trên địa bàn **huyện E**, thỏa thuận chi phí là 130.000.000 đồng và đã đưa cho **L1** số tiền 20.000.000 đồng.

(8) Chị **Vũ Thị N1**, sinh năm 1981, trú tại **Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** nhờ **L1** xin việc làm cho em trai là anh **Vũ Thế M**, sinh năm 1983, trú tại **Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E** làm lái xe **Bệnh viện đa khoa huyện E** và đã đưa cho **L1** số 50.000.000 đồng.

Ngoài các trường hợp nhận tiền trực tiếp từ các bị hại nêu trên, **Phan Thị L1** còn đưa ra thông tin gian dối như trên để bà **Lê Thị K1**, sinh năm 1962, trú tại **Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E** tin tưởng, tìm những người có nhu cầu xin việc giới thiệu cho **L1**, thông qua bà **K1**, **Phan Thị L1** đã nhận tổng số tiền 1.382.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi hai triệu đồng*) và đưa cho **Đoàn Thị L2** để xin việc cho 21 cá nhân. Cụ thể:

(1) Bà **Phạm Thị Thanh N6**, sinh năm 1990, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin việc làm giáo viên trên địa bàn **huyện E** Leo và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(2) Ông **Thái Bình C2**, sinh năm 1989, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin việc làm giáo viên dạy sử trên địa bàn **xã D, huyện E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(3) Ông **Trần Phú H9**, sinh năm 1988, trú tại **thôn B, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** xin việc làm giáo viên tiểu học trên địa bàn **huyện E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(4) Ông **Bùi Vĩnh A**, sinh năm 1989, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin làm giáo viên dạy thể dục trên địa bàn **xã D, huyện E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(5) Ông **Phạm Quốc V1**, sinh năm 1989, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin việc làm giáo viên dạy tin học trên địa bàn **xã D, huyện E** và đưa số tiền 57.000.000 đồng.

(6) Bà **Phan Thị Thúy L7**, sinh năm 1993, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin việc làm giáo viên dạy tin học trên địa bàn **xã D, huyện E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(7) Bà **Trịnh Thị L8**, sinh năm 1993, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin việc làm giáo viên dạy toán trên địa bàn **xã D, huyện E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(8) Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1993, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin việc làm giáo viên trường **Trần Quốc T16** trên địa bàn **huyện E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(9) Bà **Nguyễn Thị L9**, sinh năm 1991, trú tại **thôn D, xã D, huyện E** xin làm giáo viên dạy sinh học tại một trường trung học phổ thông trên địa bàn **huyện E** và đưa số tiền 90.000.000 đồng.

(10) Ông **Phan Văn T17**, sinh năm 1992, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin làm giáo viên dạy thể dục tại một trường trung học phổ thông trên địa bàn **huyện E** và đưa số tiền 90.000.000 đồng.

(11) Ông **Nguyễn Công T18**, sinh năm 1988, trú tại **xã D, huyện E** xin việc làm Kế toán tại **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** và đưa số tiền 75.000.000 đồng.

(12) Bà **Nguyễn Thị H3** (chưa rõ nhân thân, lai lịch) trú tại **huyện E** xin việc làm kế toán tại **trường dân tộc nội trú huyện E** và đưa số tiền 80.000.000 đồng.

(13) Bà **Nguyễn Thị D4**, sinh năm 1993, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin việc làm giáo viên trên địa bàn **huyện E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(14) Bà **Nguyễn Thị Thái N7**, sinh năm 1993, trú tại **thôn B, xã D, huyện E** xin việc làm giáo viên trường **Nguyễn Văn T19** trên địa bàn **huyện E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(15) Ông **Nguyễn Viết T20**, sinh năm 1990, trú tại **Thôn A, xã D, huyện E** xin việc làm quản lý trang thiết bị bệnh viện và đưa số tiền 50.000.000 đồng.

(16) Ông **Trương Công T21**, sinh năm 1987, trú tại **xã D, huyện E** xin việc làm lái xe tại **Huyện ủy E** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(17) Ông **Phùng Hồng L10**, sinh năm 1992, trú tại **Thôn C, xã E, huyện E** xin việc làm nhân viên xét nghiệm y tế tại **thành phố B** và đưa số tiền 80.000.000 đồng.

(18) Bà **Nguyễn Thị N8** (chưa rõ nhân thân, lai lịch) trú tại **huyện E** xin chuyển công tác và đưa số tiền 20.000.000 đồng.

(19) Bà **Phan Thị Kiều O** (chưa rõ nhân thân, lai lịch) trú tại **huyện K** xin vào làm việc tại **trường M1** thuộc **huyện K** và đưa số tiền 60.000.000 đồng.

(20) Bà **Nguyễn Thị T22** (chưa rõ nhân thân, lai lịch), trú tại **huyện E** xin việc làm giáo viên thuộc **huyện E** và đưa số tiền 90.000.000 đồng.

(21) Bà **Nguyễn Thị L11** (chưa rõ nhân thân, lai lịch), trú tại **huyện E** xin việc làm giáo viên trường **Võ Thị S2** thuộc **huyện E** và đưa số tiền 90.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền từ các bị hại, **Phan Thị L1** đã trực tiếp đến nhà của **Đoàn Thị L2** tại **số F T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** và nhà rẫy ở **Buôn Đ, xã**

E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để đưa tiền cho Đoàn Thị L2, khi đưa tiền cho L2 thì giữa Phan Thị L1 và Đoàn Thị L2 có lập các giấy thể hiện nội dung giấy vay mượn tiền.

Như vậy, từ năm 2019 đến năm 2020, Đoàn Thị L2 đã câu kết với Phan Thị L1, đưa ra thông tin gian dối, chiếm đoạt tiền của 29 cá nhân với tổng số tiền là 1.822.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Các trường hợp Đoàn Thị L2 trực tiếp đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản:

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, trên địa bàn huyện E và thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Đoàn Thị L2 đã trực tiếp đưa ra thông tin gian dối là bản thân có nhiều mối quan hệ quen biết với lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh Đ và lãnh đạo trong Quân đội có khả năng xin được việc làm, xin chuyển biên chế, xin đi học... làm cho 08 bị hại khác tin tưởng, giao tổng số tiền 830.000.000 đồng, rồi chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể:

(1) Ông Nguyễn Minh H10, sinh năm 1992, nơi cư trú Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đưa cho Đoàn Thị L2 tổng số tiền 135.000.000 đồng vào các ngày 15/10/2019, 03/11/2019 và 19/02/2020 để xin việc cho ông H10 vào làm giáo viên trên địa bàn huyện E và vợ ông H10 tên là Trần Thị T23 vào làm giáo viên trường tiểu học N15 thuộc xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

(2) Ông Hồ Viết S3, sinh năm 1972, cư trú tại Thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đưa cho Đoàn Thị L2 số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 26/8/2020 để xin việc cho con gái của ông S3 tên là Hồ Thị Thu T24 vào làm giáo viên ở huyện E.

(3) Ông Nguyễn Văn T25, sinh năm 1973, nơi cư trú Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đưa cho Đoàn Thị L2 số tiền 60.000.000 đồng để xin việc cho con gái ông T25 tên là Nguyễn Thị D4 vào làm giáo viên ở huyện E vào ngày 26/8/2020.

(4) Ông Võ Ngọc Đ2, sinh năm 1976, nơi cư trú Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đưa cho Đoàn Thị L2 số tiền 105.000.000 đồng vào ngày 19/9/2019, tháng 3/2020 và tháng 9/2020 để xin việc cho con gái ông Đ2 tên là Võ Thị Cẩm L12 vào làm giáo viên ở trường mầm non H12, thuộc xã E, huyện E.

(5) Bà Nguyễn Thị H11, sinh năm 1970, cư trú tại Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đưa cho Đoàn Thị L2 tổng số tiền 190.000.000 đồng vào các ngày 30/8/2020 và 20/3/2022 để xin việc cho con gái bà H11 tên là Võ Thị Tường V2 vào làm ở Sở Ngoại vụ tỉnh Đ.

(6) Ông **Lò Văn V3**, sinh năm 1979, cư trú tại **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** đưa cho **Đoàn Thị L2** số tiền 90.000.000 đồng để xin vào biên chế Quân đội cho con của ông **V3** là **Lò Quang T26** vào ngày 08/4/2022.

(7) Bà **Hoàng Thị N9**, sinh năm 1983, cư trú tại **Thôn I, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** đưa cho **Đoàn Thị L2** số tiền 70.000.000 đồng để xin cho con trai bà **N9** tên là **Lục Duy K2** đi học tại trường thiếu sinh quân vào ngày 08/4/2022.

(8) Bà **Nguyễn Thị H3**, trú tại **Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** đưa cho **Đoàn Thị L2** số tiền 120.000.000 đồng để xin việc cho con bà **H3** là **Lê Thị D5** vào trường mầm non **H12** thuộc **xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Tại Bản kết luận giám định số 1061/KL-KTHS, ngày 18/11/2022 của **Phòng K3 Công an tỉnh Đ** đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên **Đoàn Thị L2** trong các giấy nhận tiền là do **Đoàn Thị L2** ký và viết ra (BL: 103– 107).

Tại Bản kết luận giám định số 1310/KL-KTHS ngày 25/11/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Nội dung âm thanh trong các tệp âm thanh mẫu không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa. Tiếng nói của người phụ nữ trong tệp âm thanh mẫu cần giám định (ký hiệu “Lam” trong Bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) và tiếng nói của **Đoàn Thị L2** trong mẫu so sánh là cùng một người (BL: 50 – 101).

Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

“Tuyên bố: bị cáo **Phan Thị L1** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Phan Thị L1** 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về điều luật, hình phạt áp dụng đối với bị cáo **Đoàn Thị L2**, kiến nghị xử lý đối với **Lê Thị K1** về hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2024, bị cáo **Phan Thị L1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 10/10/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Chí H2**, bà **Nguyễn Thị Hương T7** và 17 bị hại (ông **Q**, bà **S**, bà **T1**, bà **B**, ông **D1**, bà **N8**, bà **T22**, bà **C**, bà **T4**, bà **H3**, bà **H**, bà **K1**, bà **H6**, ông **N10**, bà **T5**, bà **T24**, bà **P**) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì cho rằng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn, hối cải.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Phan Thị L1** thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Luật sư **Nguyễn Thành T8** bào chữa cho bị cáo **Phan Thị L1** đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; các điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo **L1** và hủy bản án sơ thẩm đối với bị cáo **Phan Thị L1**. Giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo **Phan Thị L1** và bà **Lê Thị K1**:

[1.1] Nội dung vụ án thể hiện: Bị cáo **Phan Thị L1** nhờ **Đoàn Thị L2** xin việc cho con, cháu của **L1**, mặc dù chưa xin được việc nhưng nhận thấy có thể hưởng lợi từ việc tham gia cùng **Đoàn Thị L2** xin việc làm, nên từ năm 2019 đến năm 2020, **Phan Thị L1** đã giúp sức cho **Đoàn Thị L2**, trực tiếp đưa ra thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ quen biết với các lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, có khả năng xin được việc làm, xin vào biên chế tại các cơ quan, trường học, bệnh viện, ... trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, làm cho các bị hại tin tưởng giao tiền sau đó đưa cho **Đoàn Thị L2** nhằm mục đích cùng được hưởng lợi. Bị cáo **Đoàn Thị L2** đã chiếm đoạt tổng số tiền 4.334.500.000 đồng, trong đó: bị cáo **Đoàn Thị L2** đã chiếm đoạt số tiền 3.193.500.000 đồng của 55 trường hợp do **Phan Thị L1** nhận tiền và hồ sơ đưa cho bị cáo **Đoàn Thị L2** (trong đó 03 trường hợp là con, cháu của bị cáo **Phan Thị L1**) và bị cáo **Đoàn Thị L2** chiếm đoạt của 10 bị hại khác số tiền 1.141.000.000 đồng. Bị cáo **Phan Thị L1** là đồng phạm đã giúp sức cho bị cáo **Đoàn Thị L2** chiếm đoạt tài sản của 52 trường hợp với tổng số tiền 3.117.000.000 đồng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử **Phan Thị L1** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[1.2] Hơn nữa, bà **Lê Thị K1** nhận thông tin có thể xin được việc từ bị cáo **Phan Thị L1** nên đã nhờ bị cáo **L1** xin việc cho con trai và con dâu nhưng chưa xin được. Sau đó, bà **K1** biết được việc **L1** và **L2** đưa ra thông tin gian dối để

chiếm đoạt tiền nhưng vẫn nhận hồ sơ và 1.260.000.000 đồng của 19 trường hợp khác để giao cho L2. Do L2, L1 không xin được việc nên L1 đã trả một số tiền và chuyển nhượng đất cản trở số tiền còn thiếu cho bà K1 để bà K1 trả cho những người đã nhờ xin việc. Hành vi nhận tiền và hồ sơ của 19 trường hợp của bà Lê Thị K1 có dấu hiệu đồng phạm với Phan Thị L1 và Đoàn Thị L2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ nhưng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Lê Thị K1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội.

[1.3] Tuy nhiên, để có căn cứ vững chắc kết án Phan Thị L1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cần phải điều tra làm rõ: Hành vi bàn bạc giữa Đoàn Thị L2, Phan Thị L1 và bà Lê Thị K1; việc hưởng lợi của Phan Thị L1 và bà Lê Thị K1; nhận thức của bà K1 về hành vi gian dối của Đoàn Thị L2, Phan Thị L1.

[1.4] Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về “Giới hạn của việc xét xử” chỉ xét xử những bị cáo mà Viện kiểm sát đã truy tố. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi khi bị hủy bản án để điều tra lại.

[1.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Phan Thị L1. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Phan Thị L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, các điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan Thị L1.

1.1. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 112/2024/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Phan Thị L1.

1.2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để giải quyết theo thủ tục chung.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Phan Thị L1** không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Văn Thường